

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 03/6/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và ông Nguyễn Tiến Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2022/TLST-KDTM, ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc **“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 3 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 4 năm 2022; quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: L5-05.OT05 tòa L5, P tại 720A Ph, phường 22, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thành Tr - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hải H; địa chỉ: Số 720A Ph, phường 22, quận B, Tp. Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th; chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh Th; địa chỉ:, tỉnh Đắc Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hải H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Từ năm 2017 bà Nguyễn Thị Thanh Th - chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh Th đã sản phẩm phân bón của Công ty TNHH M, trong quá trình hợp tác kinh doanh phân bón, Công ty TNHH M với tư cách là bên bán đã thực hiện nghĩa

vụ giao sản phẩm đúng thời gian và số lượng theo yêu cầu của bà Th, tổng số tiền giao hàng cho bà Th là 39.757.500 đồng, cụ thể: Ngày 16/5/2017 giao 2,00 tấn NPK 16.16.16AVS.B quy thành tiền là 23.600.000 đồng; ngày 05/3/2020 giao 1,175 tấn NPK 20.10.20 bao 25kg quy thành tiền là 15.157.500 đồng, sau đó đơn hàng được điều chỉnh tăng thêm đơn giá của hóa đơn số 0000069 ký hiệu MT/16P ngày 16/5/2017 thành tiền là 1.000.000 đồng. Đối với những đơn hàng đã giao thì Công ty TNHH M đã xuất đầy đủ hóa đơn cho bà Th, mặc dù bà Th đã nhận đủ hàng từ năm 2017 và năm 2020 có biên bản xác nhận nợ, tuy nhiên đến nay bà Th vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hàng cho Công ty TNHH M.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Th thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 39.757.500 đồng và tiền lãi phát sinh là 10%/năm kể từ ngày chậm trả 06/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 8.364.000 đồng. Công ty TNHH M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bà Th bồi thường thiệt hại chi phí sử dụng dịch vụ pháp lý với số tiền 13.500.000 đồng và tiền lãi 5.090.934 đồng.

Theo lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Th thừa nhận trong quá trình hợp tác kinh doanh phân bón thì đại lý của bà có nợ Công ty TNHH M số tiền 39.757.500 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định theo thỏa thuận, bà Th đồng ý thanh toán tiền gốc 39.757.500 đồng cho Công ty TNHH M theo hướng cứ 03 tháng trả số tiền 9.939.375 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ; còn đối với số tiền lãi thì bà mong được nguyên đơn bỏ qua vì việc kinh doanh hiện nay đang gặp nhiều khó khăn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 26, Điều 33, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 50; Điều 55; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTK, buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền gốc là 39.757.500 đồng và tiền lãi suất phát sinh tính từ ngày chậm trả cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 10%/năm.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 18.590.934 đồng (Trong đó 13.500.000 đồng chi phí dịch vụ pháp lý và 5.090.934 đồng tiền lãi) theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Công ty TNHH M khởi kiện bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh Th về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại Thôn S, xã G, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Th có đơn xin giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil xét xử vụ án vắng mặt bà Th là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong quá trình hợp tác kinh doanh sản phẩm phân bón thì Công ty TNHH M có cung cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh Th các mặt hàng gồm: Ngày 16/5/2017 giao 2,00 tấn NPK 16.16.16AVS.B quy thành tiền là 23.600.000 đồng; ngày 05/3/2020 giao 1,175 tấn NPK 20.10.20 bao 25kg quy thành tiền là 15.157.500 đồng, sau đó đơn hàng được điều chỉnh tăng thêm đơn giá của hóa đơn số 0000069 ký hiệu MT/16P ngày 16/5/2017 thành tiền là 1.000.000 đồng. Đối với các đơn hàng đã giao cho bà Th thì Công ty TNHH M đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bà Th đúng quy định. Quá trình hợp tác kinh doanh từ năm 2017 bà Nguyễn Thị Thanh Th có nợ lại Công ty TNHH M số tiền phân bón là 39.757.500 đồng mặc dù đã nhiều lần Công ty TNHH M đã thông báo và đôn đốc việc trả nợ. Do đó Công ty TNHH Myêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền gốc là 39.757.500 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình hợp tác kinh doanh bà Nguyễn Thị Thanh Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cho sản phẩm đã nhận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền của bên mua, do đó việc Công ty TNHH M yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 39.757.500 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

Về yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi suất do chậm thanh toán tiền với mức lãi suất là 10%/năm trên số nợ gốc kể từ ngày 06/3/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Điều 306 Luật thương mại năm 2005 quy định: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành xác minh mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất 03 Ngân hàng thương mại cổ phần có trụ sở tại nơi Tòa án giải quyết tại thời điểm xét xử thể hiện mức lãi

suất quá hạn của từng Ngân hàng là 15%/năm ($15\% + 15\% + 15\% = 45\%$), tức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là 1,25%/tháng, Hội đồng xét xử xét mức thấy mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) của nguyên đơn đưa ra là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng TMCP có trụ sở nơi tòa án đang giải quyết tại thời điểm xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật, có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận. Do đó cần buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/3/2020 tới ngày xét xử sở thẩm trên số nợ gốc 38.757.500 đồng là $38.757.500 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng (làm tròn)} = 8.364.000 \text{ đồng}$.

Đối với nguyện vọng của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th đồng ý trả số tiền gốc 39.757.500 đồng cho nguyên đơn theo phương án cứ 03 tháng trả số tiền 9.939.375 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ, còn tiền lãi suất mong được nguyên đơn bỏ qua nhưng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận. Bà Th đăng ký kinh doanh dưới hình thức hộ kinh doanh cá thể nên phải chịu trách nhiệm cá nhân, vô hạn đối với tài sản của mình.

Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 13.500.000 đồng chi phí dịch vụ pháp lý và 5.090.934 đồng tiền lãi là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận đình chỉ yêu cầu đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí KDTM sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 33, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 306 của Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th - Chủ hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền 48.121.500 đồng, trong đó tiền gốc 39.757.500 đồng, tiền lãi 8.364.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 18.590.934 đồng (Trong đó 13.500.000 đồng chi phí dịch vụ pháp lý và 5.090.934 đồng tiền lãi) theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty TNHH M số tiền 1.667.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000698 ngày 05/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh